

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HS- PT

Ngày: 26/01/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**.

Các thẩm phán: + Ông **Đặng Kim Nhân**.

+ Ông **Trần Đức Kiên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Hưng** – Thẩm tra viên Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: **Đoàn Minh Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 259/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Trần Đức A về tội "*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

TRẦN ĐỨC A; sinh năm 1990, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: 2 P, phường B, thành phố Hồ Chí Minh;; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đức T, sinh năm 1962 và bà Trịnh Thị N, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Hoàng Thị L1, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2025; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức A: Luật sư Nguyễn Tiến T1 – Văn phòng L2 thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có đơn từ chối bào chữa cho bị cáo A.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Đào Thị Q, Lâm Văn Đ, Nguyễn Văn Q1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Văn Đ, sinh năm 1990, trú tại: Buôn K, phường T, tỉnh Đắk Lắk mở cơ sở sản xuất giá đỗ tại địa chỉ trên từ năm 2021. Trong quá trình sản xuất, để làm ra giá đỗ không ra rễ, thân mập, tăng trọng lượng, hình thức đẹp nhằm tăng lợi nhuận, Lâm Văn Đ sử dụng hoá chất 6 - Benzylaminopurine thường gọi là nước “Kẹo”. Mặc dù biết rõ chất 6 - Benzylaminopurine là hóa chất không được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm, biết việc sử dụng hoá chất trong sản xuất giá đỗ là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng sức khoẻ đến người tiêu dùng nhưng vì lợi nhuận Lâm Văn Đ vẫn sử dụng hóa chất này.

Giá đỗ chứa hàm lượng chất 6 – Benzylaminopurine tại cơ sở sản xuất của Lâm Văn Đ được sản xuất theo quy trình 05 ngày từ khi cho hạt đậu xanh vào lu cho đến khi thu hoạch, cụ thể: Ngày thứ nhất: Khoảng 12 giờ trưa hàng ngày sẽ sản xuất mẻ giá đỗ mới, từng lu giá sẽ được cho trực tiếp hạt đậu xanh theo tỷ lệ 1,5 kilôgam rải đều vào đáy lu nhựa có thể tích khoảng 16 lít, sau đó dùng vỉ lưới nhựa phủ lên trên mặt đậu và lấy các thanh kẽm cài lại. Tiếp theo, pha vôi bột với nước giếng khoan rồi lấy nước vôi tưới trực tiếp vào các lu nhựa chứa đậu nêu trên. Ngâm đậu với nước với khoảng 06 giờ cho nở hạt đậu, bung nầm thì úp ngược lại để ráo nước. Tiếp đó, khoảng 03 đến 04 giờ một lần sẽ tưới nước mới và úp ngược lu lại để ráo nước cho đến khi kết thúc ngày thứ nhất. Ngày thứ hai: Từ 03 đến 04 giờ một lần sẽ tưới nước vôi và úp ngược lu lại để ráo nước. Ngày thứ ba: Lâm Văn Đ sẽ pha chất 6 – Benzylaminopurine với nước rồi tưới vào các lu, sau đó úp ngược các lu lại. Khoảng 03 đến 04 giờ sau, tưới nước sạch vào các lu rồi úp ngược lu lại, thực hiện theo quy trình như trên cho đến hết ngày thứ năm thì thu hoạch.

Từ năm 2021, Lâm Văn Đ liên hệ đặt mua đậu xanh, vật tư sản xuất giá đỗ (lu, vỉ, vôi...) và hóa chất 6-Benzylaminopurine của Đào Thị Q, sinh năm 1980, trú tại: 1 X, Ấp B, xã X, thành phố Hồ Chí Minh). Quê biết Đ mua chất 6-Benzylaminopurine về để sản xuất giá đỗ, biết việc sử dụng hoá chất trong sản xuất giá đỗ là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến sức khoẻ người tiêu dùng nhưng vẫn bán.

Lần gần nhất ngày 01/11/2024: Đ gọi điện thoại cho Q đặt mua 20 can hóa chất 6-Benzylaminopurine với giá 400.000 đồng/can, 30 bao vôi, 100 vỉ nhựa. Sau đó, Q liên hệ với Trần Đức A, sinh năm 1990, trú tại: 205/20/53/16 P, phường

B, thành phố H đặt mua 20 can hóa chất 6-Benzylaminopurine với giá tiền 270.000 đồng/can để bán cho Đ. A là cử nhân chuyên ngành hóa phân tích, A biết rõ tác dụng của loại hóa chất này có thể hỗ trợ trong sản xuất giá đỗ, nhưng không được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm, ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe con người. Sau khi thống nhất giá tiền với Q, A đã pha chế 20 can hóa chất 6-Benzylaminopurine và vận chuyển đến giao cho Q. Ngày 03/11/2024, Q gửi 20 can hóa chất 6-Benzylaminopurine, vật tư sản xuất giá đỗ về cho Đ. Quế thu lợi từ bán hóa chất 6-Benzylaminopurine cho Đ là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Đến ngày 15/12/2024, trong quá trình Đ sản xuất giá đỗ sử dụng chất 6 - Benzylaminopurine do Trần Đức A sản xuất thì bị Cơ quan Công an tỉnh Đ kiểm tra phát hiện, tạm giữ 01 can nước hóa chất 6 - B, 1.716 kg giá đỗ thành phẩm đã đóng gói, 5.517 kg giá đỗ ngày tuổi thứ 04 đến thứ 05 có chứa hàm lượng chất 6 - Benzylaminopurine. Ngoài ra tiến hành lấy mẫu giá đỗ sản xuất ngày thứ 01, thứ 02, thứ 03 để giám định. Trong đó, 02 mẫu ngày thứ 01, thứ 02 không phát hiện chất 6-Benzylaminopurine, mẫu ngày thứ 03 phát hiện chất 6-Benzylaminopurine.

Quá trình điều tra xác định Đào Thị Q, Trần Đức A còn bán nước hóa chất 6 - Benzylaminopurine cho Nguyễn Văn Q1 để sản xuất giá đỗ cụ thể:

Cuối năm 2022, Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1973, trú tại: Tổ dân phố F, phường T, tỉnh Đắk Lắk mở cơ sở sản xuất kinh doanh giá đỗ tại địa chỉ trên. Trong quá trình sản xuất, Nguyễn Văn Q1 biết được hóa chất 6 - Benzylaminopurine thường gọi là nước "Kẹo" có tác dụng giúp cho giá đỗ phát triển tăng trưởng nhanh hơn, thân giá mập to, rễ ngắn, tăng lợi nhuận trong kinh doanh nhưng không được Nhà nước cho phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm, ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe con người.

Quy trình sản xuất giá đỗ của Nguyễn Văn Q1 cũng được thực hiện tương tự như của Lâm Văn Đ.

Thời gian đầu, Nguyễn Văn Q1 đặt mua đậu xanh, vật tư sản xuất giá đỗ (lu, vỉ, nẹp...) của Đào Thị Q.

Đến ngày 19/6/2024, Q1 liên hệ với Q đặt mua 05 tấn đậu xanh, 05 bao vôi và 05 can nước hóa chất 6-Benzylaminopurine với giá 400.000 đồng/can. Ngày 20/6/2025, Q lấy 05 can hóa chất 6-Benzylaminopurine trong số 20 can đã mua trước đó của Trần Đức A, với giá 270.000 đồng/can rồi Q gửi về cho Q1 cùng nguyên vật liệu. Quế thu lợi từ bán hóa chất 6- Benzylaminopurine cho Q1 là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Đến ngày 15/12/2024, trong quá trình Nguyễn Văn Q1 sản xuất giá đỗ sử dụng chất 6 - Benzylaminopurine do Trần Đức A sản xuất thì bị Cơ quan Công

an tỉnh Đ kiểm tra phát hiện, tạm giữ 02 can nước hóa chất 6 - B, 2.671 kg giá đỡ ngày tuổi thứ 04 đến thứ 06 có chứa hàm lượng chất 6 – Benzylaminopurine, 225 kg giá đỡ ngày tuổi thứ 03. Ngoài ra tiến hành lấy mẫu giá đỡ sản xuất ngày thứ 01, thứ 02, thứ 03 để giám định. Tuy nhiên 03 mẫu trên không phát hiện chất 6-Benzylaminopurine. (Bút lục: 124-150, 467-493, 695-761, 1215-1231).

*** Kết luận giám định, định giá tài sản đối với bị cáo Lâm Văn Đ:** Tại Kết luận giám định số 2743, 2744/KL-KTHS ngày 20/12/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: Các mẫu giá đỡ ngày thứ 03 đến ngày thứ 05, mẫu giá đỡ thành phẩm, mẫu nước trong can nhựa thu giữ của Lâm Văn Đ đều có chứa chất 6-Benzylaminopurine. Các mẫu giá đỡ từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 02 không tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine; (Bút lục: 227-228, 250-251).

- Tại Kết luận định giá tài sản số 4688, 4689/KL-HĐĐG ngày 20/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 2.568 kg giá đỡ thành phẩm (giá đỡ ngày thứ 05), trị giá là 71.133.600 đồng (Bảy mươi một triệu một trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng). (Bút lục: 239 – 240, 262 - 263).

- Tại Kết luận định giá tài sản số 4753, 4754/KL-HĐĐG ngày 24/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 4.665 kg giá đỡ ngày tuổi thứ 4, trị giá là 102.630.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). (Bút lục: 234-235, 257-258).

*** Kết luận giám định đối với bị cáo Đào Thị Q, Trần Đức A:**

- Kết luận giám định số 73/KL-KTHS ngày 17/01/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: Dung dịch chất lỏng trong suốt thu giữ của Đào Thị Q có chứa 6-Benzylaminopurine và N1 (NaOH). (Bút lục: 687).

- Kết luận giám định số 74/KL-KTHS ngày 17/01/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: Dung dịch chất lỏng trong suốt thu giữ của Trần Đức A có chứa 6-Benzylaminopurine và N1 (NaOH). (Bút lục: 1209).

*** Kết luận giám định, định giá tài sản đối với bị cáo Nguyễn Văn Q1:**

- Tại Kết luận giám định số 2741/KL-KTHS ngày 20/12/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: Các mẫu giá đỡ từ ngày thứ 04 đến ngày thứ 06 đều có chứa chất 6-Benzylaminopurine; các mẫu giá đỡ từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 03 không tìm thấy chất 6-Benzylaminopurine; chất lỏng thu từ các can dung dịch có chứa chất 6-Benzylaminopurine với nồng độ 6577mg/L. (Bút lục: 144-145).

- Tại Kết luận giám định số 254/KL-KTHS ngày 19/01/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: Dung dịch chất lỏng trong suốt đựng trong can nhựa thu giữ của Nguyễn Văn Q1 có chứa Natri hydroxit (NaOH). (Bút lục: 119).

- Tại Kết luận định giá tài sản số 4690/KL-HĐĐG ngày 20/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 1.102kg giá đỡ thành phẩm, trị giá là 30.525.000 đồng (Ba mươi triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). (Bút lục: 51 - 52).

- Tại Kết luận định giá tài sản số 4793/KL-HĐĐG ngày 26/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 629 kg giá đỡ ngày tuổi thứ 4, trị giá 11.615.533 đồng (Mười một triệu sáu trăm mười lăm nghìn năm trăm ba mươi ba đồng); 940kg giá đỡ ngày tuổi thứ 5 trị giá 21.698.333 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). (Bút lục: 53 - 54).

Ngày 19/12/2024, C và bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đ (nay là Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Đ) có văn bản số 1438/TTBVTV-TTPC trả lời: Qua tra cứu và rà soát Danh mục thuốc Bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam không có chất 6 – Benzylaminopurine trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc BVTV cấm sử dụng tại Việt Nam.

- Ngày 20/12/2024, Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh Đ có văn bản số 514/CCATVSTP-NV trả lời: Chất 6 Benzylaminopurine không nằm trong Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong thực phẩm. (Bút lục: 283-286).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tạm giữ:

- Tạm giữ của Lâm Văn Đ: 7.233kg giá đỡ, trong đó có: 1.716kg giá đỡ thành phẩm đã đóng gói; 852kg giá đỡ ngày thứ 05; 4.665kg giá đỡ ngày thứ 04; 01 ca nhựa không màu, có quai, trên ly có chia vạch đến 500ml, phía dưới đáy ly có dòng chữ “inochi”, đã qua sử dụng; 01 tờ giấy in tem nhãn nền xanh trắng đỏ có đề các dòng chữ màu trắng “Sản phẩm của Công ty TNHH T3, khối lượng tịnh 300g, Giá đậu xanh Lâm Đạo”; 01 tờ giấy in tem nhãn nền xanh trắng có đề các dòng chữ màu trắng “Lâm Đạo, G sống 200g”; 01 can nhựa rỗng màu trắng không có nắp và 01 can nhựa màu trắng nắp đỏ, bên trong can có chứa hoá chất 6 - Benzylaminopurine, cả hai đều là loại can 05 lít, kích thước (18 x 30 x 13) cm, không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 ca nhựa màu trắng, có quai, phía dưới đáy ly có dòng chữ “VIET THANH”, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy S23 Ultra màu xám, tên kiểu thiết bị SM-S918B/DS, số sê-ri R5CW40EF5CP, số I (khe 1) 355157582462064, số I (khe 2)

355867882462065, đã qua sử dụng, niêm phong theo quy định. (Bút lục: 217-218,242-243, 516).

Tạm giữ của Nguyễn Văn Q1: 2.896kg giá đỡ, trong đó có: 298 kg giá đỡ thành phẩm đã đóng gói; 804 kg giá đỡ ngày thứ 06; 940 kg giá đỡ ngày thứ 05; 629 kg giá đỡ ngày thứ 04; 225kg giá đỡ ngày thứ 03; 02 can nhựa dạng hình hộp chữ nhật, nắp đỏ, thể tích 05 lít bên trong can có chứa hoá chất 6 - Benzylaminopurine và 03 can nhựa dạng hình hộp chữ nhật, nắp đỏ, thể tích 05 lít không chứa gì bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, chủng loại Galaxy J7 Pro, số kiểu máy SM-J730G, số seri R58JC4DBQPI, số Imei 1 353317097956602, số Imei 2 353318097956600, đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định. (Bút lục: 35-36, 39).

Tạm giữ của Đào Thị Q: 03 cuốn sổ hình chữ nhật, bên ngoài có ghi dòng chữ “Quyền Đ-Lắc”, “Hảo Đ-Lắc”, “Đ-Lắc Đạo”; 01 can nhựa loại can 05 lít màu trắng, nắp màu đỏ, bên trong can trống và 01 can nhựa loại can 05 lít màu trắng, nắp màu đỏ, bên trong can có chứa hoá chất 6 – Benzylaminopurine; 01 điện thoại di động iPhone 13 nhãn hiệu Apple, màu đen, số IMEI 1: 354489174054566, số IMEI 2: 354489174165537 (máy đã qua sử dụng) kèm theo 01 sim điện thoại số 0977753657, được niêm phong theo quy định. (Bút lục: 676-677, 763).

Tạm giữ của Trần Đức A: 04 can nhựa màu trắng loại dung tích 05 lít, không tem nhãn, thông tin, bên trong can có chứa hoá chất 6 - Benzylaminopurine, đựng trong 01 thùng carton; 02 can nhựa màu trắng loại dung tích 05 lít, không tem nhãn, thông tin, bên trong can có chứa hoá chất 6 – Benzylaminopurine, đựng trong 01 thùng carton; 04 can nhựa màu trắng loại dung tích 05 lít, không tem nhãn, thông tin; 04 nắp can nhựa màu đỏ, không có tem, nhãn, thông tin; 04 màng seal, không có tem, nhãn, thông tin; 01 thùng nhựa tròn màu đỏ và 01 nắp đậy loại 80 cm, trên thân dán nhãn hiệu Duy Tân; 02 ca múc nước màu đỏ, không có tem, nhãn, thông tin; 01 phễu rót màu xanh, không có tem, nhãn, thông tin; 02 cân đồng hồ 02 kilogam; 01 máy đóng seal + ống đóng seal màu trắng, in thông tin chữ nước ngoài, không có tem nhãn phụ, thông tin chỉ dẫn; 01 bao ghi nhân NaOH khối lượng 25 kilogam, không có tem nhãn phụ, thông tin chỉ dẫn. (Bút lục: 1277).

Tạm giữ của Vũ Văn T2 (chồng của Đào Thị Q): 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, kiểu máy Iphone 13 Pro Max, màu trắng, số máy: MLL73VN/A, số seri: G4YC9PHYXJ, dung lượng 128 Gb, số IMEI 1: 358688602012106, số IMEI 2: 358688602095655, đã qua sử dụng, bị bể phần lưng máy kèm theo 01 sim điện thoại có số 0978744937. (Bút lục: 1.166).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 317; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Đức A 04 (bốn) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/6/2025.

- Áp dụng khoản 5 Điều 317 Bộ Luật Hình sự. Phạt bổ sung bị cáo Trần Đức A 20.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Đào Thị Q, Lâm Văn Đ và Nguyễn Văn Q1; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2025, bị cáo Trần Đức A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và tài liệu chứng cứ mới là biên lai nộp tiền 20.000.000đ và 200.000đ tiền án phí HSST của thi hành án dân sự tỉnh Đ số 0000580 ngày 16/10/2025 là các tình tiết mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa phần hình phạt, giảm cho bị cáo Trần Đức A 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng ở giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Luật sư bào chữa cho bị cáo từ chối bào chữa và bị cáo đồng ý xét xử, tự bào chữa cho mình.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Đức A thấy rằng: Bị cáo Trần Đức A tại phiên tòa thừa nhận có bán 6-Benzylaminopurine cho bị cáo Q, tuy nhiên thành phần hóa học của dung dịch 6-Benzylaminopurine mà A bán cho Q không giống với thành phần dung dịch 6-Benzylaminopurine mà Q bán cho Đ và Q1. Tuy nhiên, từ lời khai ban đầu của A, Cơ quan điều tra xác định được công thức pha chế dung dịch 6-Benzylaminopurine gồm bột 6-BA, bột NaOH và khoảng 75- 80 lít nước để hòa tan. Kết luận giám định của Phân viện Khoa học

hình sự tại TP . khẳng định các mẫu dung dịch thu giữ từ Q, Đ, Q1, A đều chứa 6-BA và NaOH, hoàn toàn trùng khớp với lời khai ban đầu của A. Thành phẩm sau pha chế khoảng 80 lít, tương đương 20 can loại 05 lít (thực tế mỗi can chỉ chứa 04 lít dung dịch). Số lượng này phù hợp với quy luật giao nhận hàng giữa Q và A, mỗi lần giao thường 20 can, trường hợp giao ít hơn A đều thông báo, khớp với lời khai của Q và dữ liệu tin nhắn trích xuất từ Z.

Bản thân A tốt nghiệp cử nhân Hóa phân tích, từng làm nhân viên phân tích thuốc bảo vệ thực vật và giữ chức Trưởng phòng thí nghiệm tại Công ty G1. Với chuyên môn và kinh nghiệm này, A đủ năng lực nhận thức rõ công dụng, tác hại và việc Nhà nước nghiêm cấm sử dụng 6-BA trong sản xuất thực phẩm. Mặc dù có Công ty TNHH T4 đăng ký ngành nghề sản xuất chất tẩy rửa, nhưng Công ty gần như không hoạt động, không phát sinh doanh thu; A cũng không tiến hành bất kỳ hoạt động quảng cáo công khai nào, mà trực tiếp đến cơ sở của Q để giới thiệu, chào hàng và giao dịch. Các can dung dịch do A sản xuất đều không nhãn mác, không có hóa đơn chứng từ, thể hiện rõ hành vi che giấu, né tránh sự kiểm soát của cơ quan chức năng. A nhiều lần trực tiếp đến giao hàng tại cơ sở kinh doanh của Q, biết rõ Q mua dung dịch 6-BA để bán lại cho các cơ sở sản xuất giá đỡ chứ không phải mục đích hợp pháp khác. Lời khai của Q, lời xác nhận của ông T2 (chồng Q) về việc nhiều lần gặp A đến giao hàng càng khẳng định rõ điều này. An mong muốn bán được càng nhiều để thu lợi, bỏ mặc hậu quả nguy hại cho sức khỏe cộng đồng. Căn cứ lời khai của Q, ông T2, sao kê tài khoản ngân hàng của A và Q, sổ sách theo dõi của Q, dữ liệu Zalo giữa A - Q - Đ - Q1 cùng với kết luận giám định, có đủ cơ sở khẳng định A là người trực tiếp pha chế, sản xuất dung dịch 6-BA để bán cho Q, sau đó Q bán lại cho Đ và Q1 sử dụng trong sản xuất giá đỡ. Sau khi Q bị Cơ quan điều tra mời làm việc, A nhiều lần đến nhà Q hoặc gọi điện thoại cho chồng của Q để hỏi về việc khai báo và nhờ Q khai nhận rằng chỉ mua chất tẩy rửa từ A chứ không phải “kẹo” (dung dịch 6-BA) (Dữ liệu cuộc gọi đến từ số điện thoại của A số 0939110558 đến số điện thoại 0978744937 của ông T2 chồng Q thể hiện từ ngày 03/01/2025 đến ngày 06/01/2025 A đã gọi cho ông T2 chồng Q 03 lần). Từ những chứng cứ trên, có đủ cơ sở khẳng định: A hoàn toàn nhận thức được tác hại và tính chất cấm của 6-BA, biết rõ việc bán dung dịch này cho các đối tượng để sử dụng trong sản xuất giá đỡ là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm thu lợi.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường luật pháp, mặc dù biết rõ chất 6 Benzylaminopurine là hóa chất không được phép sử dụng trong sản xuất giá đỗ, biết việc sử dụng hoá chất này trong sản xuất giá đỗ là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng nhưng Trần Đức A, Đào Thị Q, Lâm Văn Đ, Nguyễn Văn Q1 vẫn sử dụng để sản xuất giá đỗ tại cơ sở sản xuất giá đỗ của Lâm Văn Đ, Nguyễn Văn Q1, địa chỉ phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Trong đó Trần Đức A, Đào Thị Q bán nước hóa chất 6 - Benzylaminopurine cho Lâm Văn Đ để sản xuất 7.233 kg giá đỡ, trị giá là 173.763.600 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm đồng); Trần Đức A, Đào Thị Q bán hóa chất 6 – Benzylaminopurine cho Nguyễn Văn Q1 để sản xuất 2.671 kg giá đỡ, trị giá 63.838.866 đồng (Sáu mươi ba triệu tám trăm ba mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng trị giá sản phẩm giá đỡ được sản xuất từ hóa chất do Trần Đức A, Đào Thị Q cung cấp là 237.602.466 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Đào Thị Q thu lợi bất chính từ bán hóa chất là 3.250.000 đồng, đến ngày 15/12/2024 thì bị phát hiện xử lý. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Đức A, Đào Thị Q, Lâm Văn Đ đã phạm tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*” theo điểm e khoản 2 Điều 317 BLHS; hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q1 đã phạm tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*” theo điểm a khoản 1 Điều 317 BLHS.

[2.1]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm nghiêm trọng các quy định của Nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, gây mất an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong dư luận xã hội.

Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết rõ chất 6 – Benzylaminopurine là hóa chất không được phép sử dụng trong sản xuất giá đỡ, biết việc sử dụng hoá chất này trong sản xuất giá đỡ là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng nhưng vì động cơ vụ lợi nên đã bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước, cố ý phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe cộng đồng được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[2.2] Trong vụ án này, bị cáo Trần Đức A là người trực tiếp pha chế, sản xuất ra chất 6 – Benzylaminopurine (kẹo) rồi bán cho bị cáo Đào Thị Q 20 can chất 6 – B, sau đó Q bán lại cho bị cáo Lâm Văn Đ (Sản xuất được 7.233 kg giá đỡ, trị giá là 173.763.600 đồng) và Q bán cho bị cáo Nguyễn Văn Q1 05 can chất 6 – B (Sản xuất ra 2.671 kg giá đỡ, trị giá 63.838.866 đồng). Như vậy, bị cáo A phải áp dụng mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

[3] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 317 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy việc phải áp dụng hình phạt bổ sung là cần thiết, phạt tiền đối với bị cáo Trần Đức A có hành vi mua bán chất 6 – Benzylaminopurine mỗi bị cáo một khoản tiền nhất định để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Đức A bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần Đức A có gia đình có công với Cách mạng nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS cũng như nhân thân của bị cáo và xử phạt mức án 04 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp 20.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ tiền án phí HSST, đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS mới được qui định tại khoản 2 điều 51 BLHS thể hiện bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật, sự ăn năn hối cải nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt là thoả đáng, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Số tiền bị cáo đã nộp tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 355, điều 357 BLTTHS

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đức A, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2025/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo A.

2. Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 5 Điều 317; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Trần Đức A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/6/2025.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Đức A 20.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Tiếp tục quy trừ số tiền bị cáo A nộp tại biên lai nộp tiền 20.000.000đ và 200.000đ tiền án phí HSST của Thi hành án dân sự tỉnh Đ số 0000580 ngày 16/10/2025 để đảm bảo thi hành án.

4. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án Phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc, kiểm tra I-TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- CQ THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam số 1-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng